

Số: 1526 /QĐ-UBND

Huế, ngày 13 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung**  
**chuyên ngành về giáo dục và đào tạo thành phố Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2228/TTr-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành về giáo dục và đào tạo thành phố Huế như sau:

1. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung

- Cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non.
- Cơ sở dữ liệu về giáo dục phổ thông.
- Cơ sở dữ liệu về giáo dục thường xuyên.
- Cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp.

2. Mô tả cơ sở dữ liệu dùng chung

a) Giáo dục mầm non

- Thông tin mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non gồm: Thông tin về cơ sở giáo dục, loại hình giáo dục, các thông tin về điểm trường chính, các điểm trường (nếu có) và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin về nhà trẻ, nhóm trẻ/lớp mẫu giáo (gọi chung là lớp học) gồm: Danh sách lớp học, lớp học theo nhóm tuổi, lớp ghép, lớp học 2 buổi/ngày, lớp học bán trú, chương trình giáo dục và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin đội ngũ gồm: Thông tin cơ bản của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên về thông tin chung, trình độ chuyên môn, quá trình đào tạo và bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, trình độ tin học, ngoại ngữ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin người học gồm: Hồ sơ lý lịch, kết quả và quá trình học tập, nuôi dưỡng, sức khỏe của trẻ và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong trường học gồm: Thông tin cơ bản về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em và các thông tin khác theo quy định.

- Các thông tin khác theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

b) Giáo dục phổ thông (bao gồm các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)

- Thông tin mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông gồm: Thông tin về cơ sở giáo dục, loại hình giáo dục, các thông tin về điểm trường chính, các điểm trường (nếu có) và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin hệ thống lớp học gồm: Thông tin cơ bản về danh sách lớp học, lớp ghép, lớp học 2 buổi/ngày, lớp học bán trú, lớp học ngoại ngữ, lớp có học sinh khuyết tật học hòa nhập, khuyết tật chuyên biệt và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin đội ngũ gồm: Thông tin cơ bản của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên về thông tin chung, trình độ chuyên môn, quá trình đào tạo và bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, trình độ tin học, ngoại ngữ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin người học gồm: Thông tin về hồ sơ lý lịch, quá trình học tập, kết quả học tập, kết quả đánh giá năng lực – phẩm chất, rèn luyện, sức khỏe và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục phổ thông gồm: Thông tin cơ bản về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin tài chính gồm: Thông tin cơ bản về nguồn lực tài chính được cung cấp (nguồn thu), các khoản thu dịch vụ, các khoản chi và các thông tin khác theo quy định.

- Các thông tin khác theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

c) Giáo dục thường xuyên

- Thông tin mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên gồm: Thông tin về cơ sở giáo dục chính và cơ sở giáo dục khác (nếu có), loại hình giáo dục và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin hệ thống lớp học gồm: Thông tin cơ bản về danh sách lớp học, loại lớp, hình thức học tập, chương trình học, bán trú và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin đội ngũ gồm: Thông tin cơ bản của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên, báo cáo viên, cộng tác viên,... về thông tin chung, trình độ chuyên môn, quá trình đào tạo và bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, trình độ tin học, ngoại ngữ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin người học gồm: Thông tin về hồ sơ lý lịch, quá trình học tập, kết quả học tập, rèn luyện, sức khỏe và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục thường xuyên gồm: Thông tin cơ bản về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin tài chính gồm: Thông tin cơ bản về nguồn lực tài chính được cung cấp (nguồn thu), các khoản chi và các thông tin khác theo quy định.

- Các thông tin khác theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

#### d) Giáo dục nghề nghiệp

- Cơ sở dữ liệu mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Bao gồm thông tin về cơ sở chính và các cơ sở trực thuộc (nếu có); loại hình cơ sở (công lập, tư thực, có vốn đầu tư nước ngoài); cấp quản lý trực tiếp; cơ quan chủ quản; địa chỉ, thông tin liên hệ; ngành, nghề đào tạo; quy mô tuyển sinh và các thông tin khác theo quy định.

- Cơ sở dữ liệu nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp (đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý): Bao gồm tổng số (trong đó có phân tách theo giới tính, dân tộc thiểu số); số lượng theo hình thức làm việc (biên chế, hợp đồng, thỉnh giảng,...); cơ cấu theo trình độ chuyên môn (trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp và trình độ khác). Thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng; kết quả đánh giá, xếp loại; khen thưởng, kỷ luật; trình độ tin học, ngoại ngữ; trình độ kỹ năng nghề, chứng chỉ sư phạm và các thông tin khác.

- Cơ sở dữ liệu học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp:

+ Số lượng học sinh, sinh viên tuyển mới theo từng trình độ đào tạo (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chương trình đào tạo nghề dưới 3 tháng), phân theo ngành, nghề đào tạo và đối tượng (nếu có).

+ Số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp theo từng trình độ đào tạo (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chương trình đào tạo nghề dưới 3 tháng), kèm theo kết quả và xếp loại tốt nghiệp.

+ Hồ sơ lý lịch người học; quá trình học tập, rèn luyện; tình trạng học tập (đang học, bảo lưu, thôi học); kết quả đầu ra và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin về cơ sở vật chất và trang thiết bị: Bao gồm thông tin cơ bản về quỹ đất, phòng học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm; trang thiết bị đào tạo theo ngành, nghề; hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy và quản lý; tình trạng khai thác, sử dụng và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin tài chính: Bao gồm thông tin về các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp như ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu học phí,

nguồn thu dịch vụ, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác; các khoản chi thường xuyên, chi đầu tư; tình hình quản lý, sử dụng kinh phí và các thông tin khác theo quy định.

### 3. Cơ chế thu thập

- Số hóa, chuẩn hóa dữ liệu đã có.
- Các cá nhân, đơn vị có trách nhiệm cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu.
- Các cá nhân, đơn vị cập nhật dữ liệu khi có sự thay đổi.

### 4. Thời gian cập nhật: Thường xuyên.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### 1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì về kỹ thuật, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu do đơn vị mình quản lý theo đúng các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành về giáo dục và đào tạo thành phố Huế; kết nối, chia sẻ dữ liệu và khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố.

- Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai, quản lý, báo cáo và khai thác sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành về giáo dục và đào tạo.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo từng giai đoạn phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo hoặc khi có đề nghị của các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn thành phố Huế.

### 2. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành về giáo dục và đào tạo thành phố Huế với các hệ thống thông tin liên quan theo quy định của pháp luật và Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

### 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục trên địa bàn trong việc triển khai, quản lý và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành về giáo dục và đào tạo thành phố Huế.

- Chỉ đạo, phân công bộ phận phụ trách làm đầu mối về kỹ thuật, quản trị phần mềm, kiểm duyệt, thực hiện báo cáo và khai thác sử dụng dữ liệu tại địa phương; tổ chức hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ sử dụng, quản lý và cấp tài khoản sử dụng cho các cơ sở giáo dục trong phạm vi quản lý.

- Báo cáo tình hình quản lý và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành về giáo dục và đào tạo khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.

4. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

- Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục thành phố Huế đáp ứng nhu cầu quản lý, quản trị của cơ sở giáo dục.

- Phân công trách nhiệm tập thể cá nhân trong việc thực hiện, đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm trong vận hành hệ thống.

- Chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện cập nhật dữ liệu đảm bảo đúng - đủ - sạch - sống và báo cáo dữ liệu của đơn vị trên cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành về giáo dục và đào tạo thành phố Huế bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng hạn theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền.

5. Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan

Thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành về giáo dục và đào tạo thành phố Huế phải đúng mục đích và phạm vi được phân quyền; chịu trách nhiệm bảo vệ thông tin, tài khoản truy cập được cấp.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

### **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ GDĐT;
- UBND thành phố: CT, các PCT;
- VP UBND thành phố: CVP và các PCVP;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, GD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Mạnh**